

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2023/DS-PT

Ngày: 06-3-2023

V/v: Tranh chấp hợp đồng dân sự góp
họ (hụi) và hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Bá Kha**

Các Thẩm phán:

Bà **Nguyễn Thị Nhiên**

Ông **Trần Bình Đảo**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mai** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Bà **Đào Thị Ngọc Trâm** - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2023/TLPT-DS ngày 16 tháng 01 năm 2023, về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự góp họ (hụi) và hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 44/2022/DS-ST ngày 12/10/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 12/2023/QĐ-PT ngày 07 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị H (Bé S)**, sinh năm 1965. Vắng mặt

Địa chỉ: Khu phố Minh Ph, thị trấn M, huyện C, tỉnh Kiên Giang

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông **Chiêm Thành L**, sinh năm 1993. Có mặt

Địa chỉ: Số 280 ấp An Kh, xã M, huyện C, Kiên Giang. Theo văn bản ủy quyền ngày 24/6/2022

***Bị đơn:**

Bà **Trần Thu N**, sinh năm 1958. Vắng mặt

Địa chỉ: 363/8 Nguyễn Chí Th, phường R, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thu N: Ông **Nguyễn Hùng Q**, sinh năm 1975. Địa chỉ: Ấp Nhơn Ph, xã N, huyện, thành phố Cần Thơ. Theo văn bản ủy quyền ngày 01/3/2023. Có mặt

****Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

Ông **Trần Văn T**, sinh năm 1965. Vắng mặt

Địa chỉ: Khu phố Minh Ph, thị trấn M, huyện C, tỉnh Kiên Giang

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Ông **Chiêm Thành L**, sinh năm 1993. Có mặt

Địa chỉ: Số 280 ấp An Kh, xã M, huyện C, Kiên Giang. Theo văn bản ủy quyền ngày 24/6/2022

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà **Trần Thu N**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H (Bé S) trình bày tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ kiện, đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày, cụ thể:*** Khoảng tháng 7 năm 2019, bà Trần Thu N có mua căn nhà tại số 363/8 Nguyễn Chí Thanh, phường R, thành phố R nhưng không đủ tiền nên bà N có nhờ bà H vay giùm 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), lãi suất 1%. Từ khi vay đến nay bà N có trả gốc cho bà H được 40.000.000đ (Bốn Mươi triệu đồng), còn nợ lại tiền gốc là 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng), số tiền này nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày 24/9/2020 âm lịch đến khi trả xong.

Sau khi mua nhà, do nhà bị hư hỏng nhiều không thể vô ở ngay được nên bà N tiếp tục nói với bà H giúp số tiền để sửa nhà nên bà H có cho bà N hốt một số chân hụi để lấy tiền sửa nhà, sau khi hốt hụi xong mặc dù các chân hụi đã mãn nhưng bà N không đóng hụi chết gồm:

- Hụi tháng 5.000.000đ (Năm triệu đồng), áp ngày 09/01/2019 mãn hụi ngày 09/10/2021, bà N hốt đầu và có đóng được 12 lần, còn lại 20 lần tương đương số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) nhưng chỉ tính nợ tiền gốc: 72.000.000đ (Bảy mươi hai triệu đồng).

- Hụi nửa tháng 5.000.000đ (Năm triệu đồng), áp ngày 30/02/2020 âm lịch và mãn hụi ngày 30/5/2021 âm lịch, còn lại 20 lần, còn nợ tiền gốc: 84.000.000đ (tám mươi bốn triệu đồng).

- Hụi tuần còn nợ lại: 186.000.000đ (Một trăm tám mươi sáu triệu đồng).

Tổng cộng 3 chân hụi còn nợ 342.000.000đ (Ba trăm bốn mươi hai triệu đồng), số tiền này nguyên đơn không yêu cầu tính lãi.

Như vậy, riêng về phần mua nhà và sửa chữa căn nhà 363/8 Nguyễn Chí Thanh, phường Rạch Sỏi (tiền vay ngân hàng và tiền nợ hụi) thì bà Trần Thu N còn nợ tổng số tiền là 502.000.000đ (Năm trăm lẻ hai triệu đồng) theo biên nhận nợ ngày 24/9/2020 âm lịch.

Để tạo lòng được vay tiền, bà N để cho chồng của bà H là ông Trần Văn T đứng tên quyền sở hữu căn nhà, giấy chủ quyền bà H đang giữ và ngày 10/02/2020, bà N còn làm biên nhận cổ căn nhà 363/8 Nguyễn Chí Thanh, phường Rạch Sỏi cho vợ chồng bà H với số tiền 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng). Đối với biên nhận này chỉ với mục đích làm tin để được hốt hụi chứ thực tế hai bên không có giao nhận tiền với nhau. Do đó, nguyên đơn không yêu cầu đối với số tiền theo biên nhận này.

Ngoài ra, trong quá trình làm ăn qua lại, chơi hụi với nhau, sau khi kết thanh toán thì bà Trần Thu N còn nợ lại bà H số tiền là 479.000.000đ (Bốn trăm bảy mươi chín triệu đồng), bà N có viết biên nhận nợ ngày 24/9/2020 âm lịch, số tiền này nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 24/9/2020 âm lịch đến khi trả xong.

Như vậy, tổng cộng hai khoản nợ bà Trần Thu N còn nợ bà Hạnh là 981.000.000đ (Chín trăm tám mươi một triệu đồng).

Nay, yêu cầu bà Trần Thu N phải trả cho bà Hạnh một lần tổng số tiền nợ 981.000.000đ (Chín trăm tám mươi một triệu đồng), trong đó tổng số tiền yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 24 tháng 9 năm 2020 âm lịch đến ngày 15/7/2022 dương lịch trên số tiền vay 639.000.000.000đ (sáu trăm ba mươi chín triệu đồng) tạm tính là 213.000.000đ (Hai trăm mười ba triệu đồng) và tiếp tục tính lãi đến khi trả hết nợ.

****Bị đơn bà Trần Thu N trình bày:***

Tôi xác định tôi không đồng ý tất cả các nội dung yêu cầu theo đơn khởi kiện của bà H.

Tôi không nhờ bà H vay giùm số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) để mua nhà như trình bày trong đơn khởi kiện của bà H, vì: Tháng 4 năm 2019 tôi có mua 01 căn nhà tại địa chỉ số 363/8 Nguyễn Chí Thanh, khu phố 6, phường Rạch Sỏi, diện tích 32,29m² của bà Cao Thị T với giá 370.000.000đ (ba trăm bảy mươi triệu đồng) nhưng bà T cho trả dần nên tôi không có nhờ bà H vay tiền giùm. Từ lúc mua nhà đến nay tôi trực tiếp sinh sống trong căn nhà.

Trong đơn khởi kiện bà H trình bày nội dung tôi nhờ chồng bà là ông T đứng tên giùm. Tôi xác định nội dung trình bày này của bà H là không đúng sự thật, vì tôi không mượn tiền cũng không nhờ chồng bà H là ông T đứng tên nhà

giùm tôi, hiện nay nhà đất là vấn đề riêng của tôi không liên quan đến nội dung vụ kiện của bà H nên tôi từ chối trả lời các nội dung liên quan đến tài sản nhà đất của tôi.

Đối với nội dung nguyên đơn trình bày về số tiền hui 342.000.000đ (Ba trăm bốn mươi hai triệu đồng), cụ thể:

- Hui tháng 5.000.000đ (Năm triệu đồng), còn nợ tiền gốc 72.000.000đ (Bảy mươi hai triệu đồng).

- Hui nửa tháng 5.000.000đ (Năm triệu đồng), còn nợ tiền gốc: 84.000.000đ (tám mươi bốn triệu đồng).

- Hui tuần còn nợ lại: 186.000.000đ (Một trăm tám mươi sáu triệu đồng).

Đối với nội dung này tôi xác định không phải tiền hui mà là tiền do bà H tự đưa cho nhiều người mượn để lấy lời chứ không có đưa tiền trực tiếp cho tôi, tôi chỉ là người giới thiệu người vay và trực tiếp đi thu tiền lời về giao cho bà H và được bà H chia tỷ lệ tiền lời cho tôi theo thỏa thuận miệng với nhau. Tôi xác định không có nợ tiền hui của bà H, cũng không tham gia chơi hui với bà H.

* Tôi xác nhận có ký vào biên nhận nợ ngày 10/02/2020 về việc cố căn nhà 363/8 Nguyễn Chí Thanh, phường Rạch Sỏi với giá 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) chỉ với mục đích làm tin chứ thực tế hai bên không có giao nhận tiền với nhau.

Tôi có ký vào biên nhận biên nhận nợ đề ngày 24/9/2020 âm lịch thể hiện số tiền 479.000.000đ (Bốn trăm bảy mươi chín triệu đồng) nhưng tôi không đồng ý trả tiền vì vào ngày ký biên nhận bà H không đưa tiền cho tôi. Lý do ký vào biên nhận do tôi bị bà H ép buộc phải ký để duy trì việc hợp tác làm ăn mới. Cụ thể, bà H đưa tiền cho người ta vay và tôi là người giới thiệu người đến vay và trực tiếp đi gom tiền góp về đưa cho bà H và được bà H chia lại tiền lời theo tỷ lệ thỏa thuận miệng là 6/4, tôi được chia 4 phần.

Tôi không đồng ý nhận nợ số tiền 479.000.000đ (Bốn trăm bảy mươi chín triệu đồng) theo biên nhận biên nhận nợ đề ngày 24/9/2020 âm lịch.

Nay, tôi không đồng ý tất cả các yêu cầu khởi kiện của bà H. Tôi không thừa nhận nợ với bà H vì tôi không có vay tiền của bà H.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T trình:** Vợ ông Trần Văn T là bà Nguyễn Thị H có làm đơn khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang để khởi kiện bà Trần Thu N về việc bà N nợ bà H số tiền vay và tiền hui tổng cộng là: 981.000.000đ (Chín trăm tám mươi một triệu đồng), đối với yêu cầu của bà H đối với bà Trần Thu N thì ông Trần Văn T không có ý kiến và yêu cầu gì, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đối với việc giữa ông Trần Văn T và bà Trần Thu N có tranh chấp liên quan đến căn nhà tại số 363/8 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Rạch Sỏi, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang thì hiện nay giữa ông T và bà N chưa khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết đối với sự việc này, nếu sau này có tranh chấp ông T sẽ yêu cầu khởi kiện để giải quyết thành một vụ kiện khác.

** Tại bản án dân sự sơ thẩm số 44/2022/DS-ST ngày 12/10/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:*

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 93; khoản 1 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 117; Điều 351; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử :

1. Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn –bà Nguyễn Thị H về việc tranh chấp hợp đồng dân sự góp họ (hụi) và hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn –bà Trần Thu N. Buộc bị đơn – bà Trần Thu N có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H tổng số tiền nợ vay và nợ hụi là 981.000.000đ (Chín trăm tám mươi một triệu đồng). Về tiền lãi, nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì hàng tháng bà N còn phải trả cho bà H thêm một khoản tiền lãi tính theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 trên số tiền còn nợ tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Đình chỉ yêu cầu phản tố đề ngày 04/7/2022 của bị đơn – bà Trần Thu N do bà tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu phản tố.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn – bà Trần Thu N không phải nộp án phí do bà thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 20.715.000đ (Hai mươi triệu bảy trăm mười lăm nghìn đồng) theo biên lai thu

tạm ứng án phí số 0002080 ngày 01/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn bảo quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 21/10/2022, bị đơn bà Trần Thu N có đơn kháng cáo: Yêu cầu xem xét lại bản án dân sự sơ thẩm số 44/2022/DS-ST ngày 12/10/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, phía nguyên đơn bà Nguyễn Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, và không có kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn bà Trần Thu N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang nêu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự, từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn bà Trần Thu N, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 44/2022/DS-ST ngày 12/10/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ của nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của bị đơn bà Trần Thu N về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết kháng cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo của bản án sơ thẩm: Xét đơn kháng cáo của bị đơn yêu cầu xem xét lại bản án dân sự sơ thẩm số 44/2022/DS-ST ngày 12/10/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, bác toàn

bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H yêu cầu bị đơn bà Trần Thu N phải trả tổng số tiền là 981.000.000đ (Chín trăm tám mươi một triệu đồng); trong đó: Tiền nợ hui là 342.000.000đ (Ba trăm bốn mươi hai triệu đồng), tiền nợ vay là 639.000.000đ (Sáu trăm ba mươi chín triệu đồng). Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà H đã cung cấp cho Tòa án 02 Biên nhận đề ngày 24 tháng 9 năm 2020 âm lịch và 01 Biên nhận đề ngày 10 tháng 02 năm 2020. Bị đơn cũng thừa nhận có ký tên vào các biên nhận nêu trên nhưng lại cho rằng ký tên nhưng không nhận tiền. Tại bản Tường trình đề ngày 21 tháng 7 năm 2022 và tại biên bản hòa giải ngày 15/7/2022, bà N đều thừa nhận nợ nguyên đơn số tiền 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng) và đồng ý trả lãi 1%/tháng và nợ tiền hui bà H số tiền 342.000.000đ (Ba trăm bốn mươi hai triệu đồng), tổng cộng nợ là 502.000.000đ (Năm trăm lẻ hai triệu đồng). Còn biên nhận nợ ngày 10/02/2020 về việc cố căn nhà 363/8 Nguyễn Chí Thanh, phường Rạch Sỏi với số tiền là 450.000.000đ (bốn trăm năm mươi triệu đồng) chỉ với mục đích làm tin chứ thực tế hai bên không có giao nhận tiền với nhau và biên nhận nợ đề ngày 24/9/2020 âm lịch thể hiện số tiền 479.000.000đ (bốn trăm bảy mươi chín triệu đồng) thì bà N thừa nhận có ký biên nhận nhưng không nhận tiền.

Bà N cho rằng có ký biên nhận nợ là do bà H ép buộc nhưng thật sự không có nhận tiền là không có căn cứ. Bởi vì, bà không chứng minh được việc ký nhận nợ là do bị ép buộc, đe dọa hoặc có thủ đoạn buộc bà phải ký nhận nợ. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, tại các bản tự khai, bản tường trình và tại các phiên hòa giải tại Tòa, bà N trình bày nội dung mâu thuẫn với nhau về số tiền nợ vay và nợ hui với bà H.

Đối với số tiền 342.000.000 đồng, bà N cho rằng là tiền nợ vay chứ không phải nợ hui nhưng bà N không cung cấp được biên nhận nợ để chứng minh. Tuy nhiên, bà N vẫn xác nhận có ký vào các biên nhận nợ mà bà H cung cấp tại Tòa. Từ đó thể hiện việc phản đối của bà là không có căn cứ. Do đó, thể hiện việc bà N có nợ bà H số tiền theo biên nhận nợ là đúng sự thật.

Đối với số tiền 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng), bà N thừa nhận chỉ nợ ông Trần Văn T – là chồng bà H và chỉ đồng ý trả nợ cho ông T chứ không thống nhất trả cho bà H là không có căn cứ để chấp nhận.

Căn cứ Điều 117 Bộ luật dân sự năm 2015 giao dịch giữa bà H với bà N đủ các điều kiện để giao dịch có hiệu lực, bà N là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ nên phải chịu trách nhiệm đối với giao dịch đã xác lập. Căn cứ vào các Điều 351, Điều 463, Điều 466, Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015, cần buộc bà N phải có nghĩa vụ trả cho bà H tổng số tiền nợ vay và nợ hui là 981.000.000đ (Chín trăm tám mươi một triệu đồng); trong đó: Nợ hui là

342.000.000đồng theo biên nhận nợ đề ngày 24/9/2020 âm lịch, tổng nợ vay gốc số tiền 639.000.000 đồng theo biên nhận nợ đề ngày 24/9/2020 âm lịch là 479.000.000 đồng và nợ vay ngân hàng là 160.000.000 đồng.

- Đối với yêu cầu tính lãi. Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện ủy quyền của nguyên đơn và của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xác định không yêu cầu tính lãi đối với toàn bộ số tiền yêu cầu theo đơn khởi kiện. Do đó, không xem xét là phù hợp.

- Đối với số tiền 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) theo biên nhận nhận nợ đề ngày 10/02/2020, bị đơn – bà N cho rằng chỉ ký làm tin chứ thực tế không có giao nhận tiền với nhau. Đồng thời, nguyên đơn cũng xác nhận việc ký biên nhận nhằm mục đích làm tin và không tranh chấp khởi kiện đối với biên nhận nợ nêu trên nên không xem xét là phù hợp.

- Đối với yêu cầu phản tố của bà N ngày 04/7/2022 về việc yêu cầu Tòa tuyên Hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa bà Cao Thị T và ông Trần Văn T là vô hiệu và yêu cầu điều chỉnh lại biên động trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số BU 484378. Nhưng đến ngày 08/8/2022, bà N tự nguyện rút lại toàn bộ yêu cầu phản tố nêu trên nên bản án sơ thẩm đình chỉ yêu cầu phản tố của bà N là có căn cứ phù hợp quy định của pháp luật.

Bản án sơ thẩm đã tuyên là phù hợp quy định của pháp luật, vì vậy yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trần Thu N là không có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn bà Trần Thu N, giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm số 44/2022/DS-ST ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn – bà Trần Thu N thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định pháp luật.

Yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn bà Nguyễn Thị H được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 20.715.000đ (Hai mươi triệu bảy trăm mười lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002080 ngày 01/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thu N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do bà N là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 93; khoản 1 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 117; Điều 351; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn bà Trần Thu N.
- Giữ nguyên toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 44/2022/DS-ST ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn –bà Nguyễn Thị H về việc tranh chấp hợp đồng dân sự góp họ (hụi) và hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn –bà Trần Thu N. Buộc bị đơn – bà Trần Thu N có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H tổng số tiền nợ vay và nợ hụi là 981.000.000đ (Chín trăm tám mươi một triệu đồng). Về tiền lãi, nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì hàng tháng bà N còn phải trả cho bà H thêm một khoản tiền lãi tính theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 trên số tiền còn nợ tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Đình chỉ yêu cầu phản tố đề ngày 04/7/2022 của bị đơn – bà Trần Thu N do bà tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu phản tố.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 20.715.000đ (Hai mươi triệu bảy trăm mười lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002080 ngày 01/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thu N không phải nộp do bà N là người cao tuổi.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND TPRG
- THA dân sự TPRG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Bá Kha

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán

Thẩm phán

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Trần Bá Kha